

UBND TỈNH BÌNH DƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG NGHỀ Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc
VIỆT NAM - SINGAPORE

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ TRUNG CẤP (24 THÁNG)

Nghề: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính

*(Ban hành kèm theo Quyết định số:669/QĐ-TCĐNVS, ngày 18 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Singapore)*

Bình Dương – Năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

*(Kèm theo Quyết định số: 669 /QĐ-TCĐNVN, ngày 18 tháng 8 năm 2021
của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Việt Nam – Singapore)*

Tên ngành, nghề: Kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính

Mã ngành, nghề: 5480102

Trình độ đào tạo: Trung cấp

Hình thức đào tạo: Chính quy

Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp Trung học cơ sở;

Thời gian đào tạo: 2 năm

1. Mục tiêu đào tạo

1.1. Mục tiêu chung

- Đào tạo đội ngũ nhân viên lắp ráp, bảo trì, sửa chữa máy tính: trong các nhà máy, xí nghiệp, khu chế xuất, khu công nghiệp.
- Kỹ thuật viên: trong các cơ sở sản xuất, cửa hàng kinh doanh thiết bị điện tử máy tính.
- Nhân viên tổ chức điều hành và quản lý: các quá trình sản xuất, dịch vụ sửa chữa, khai thác bảo trì hệ thống mạng nội bộ trong phân xưởng, nhà máy, cửa hàng dịch vụ...

1.2. Mục tiêu cụ thể

- Kiến thức:

- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về máy tính, điện tử máy tính, mạng máy tính;
- + Xác định được cấu tạo, nguyên lý hoạt động của các thành phần trong hệ thống máy tính;
- + Đọc và hiểu các thông số kỹ thuật của các thành phần phần cứng máy tính;
- + Trình bày được nguyên lý và phương thức lưu trữ dữ liệu trong máy tính;
- + Trình bày được nguyên lý làm việc của hệ điều hành;
- + Trình bày được các kiến thức cơ bản về lập trình trên máy tính;

- + Mô tả được việc lắp ráp, cài đặt, sửa chữa và bảo trì hệ thống máy tính, màn hình máy tính, máy in;
- + Mô tả được việc tháo lắp, cài đặt, và bảo dưỡng máy tính xách tay;
- + Phân tích, thiết kế hệ thống mạng cho doanh nghiệp;
- + Phân tích, đánh giá được hiện trạng hệ thống máy tính, lập kế hoạch nâng cấp hệ thống máy tính và mạng máy tính;
- + Trình bày được những kiến thức cơ bản về chính trị, văn hóa, xã hội, pháp luật, quốc phòng an ninh, giáo dục thể chất theo quy định.

- Kỹ năng:

- + Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định;
- + Lắp đặt được hệ thống máy tính và các thành phần, thiết bị ngoại vi;
- + Lắp ráp, cài đặt, cấu hình được hệ điều hành và các ứng dụng phần mềm;
- + Chẩn đoán được, sửa chữa được phần cứng máy tính, màn hình máy tính và máy in;
- + Chẩn đoán được và xử lý được các sự cố phần mềm máy tính;
- + Bảo trì, sửa chữa và nâng cấp được phần mềm và phần cứng máy tính;
- + Thiết kế, lắp đặt và bảo dưỡng được mạng hệ thống mạng;
- + Thực hiện được việc tổ chức, quản lý một tổ kỹ thuật, một cửa hàng lắp ráp, bảo trì, bảo dưỡng máy tính;
- + Sử dụng được công nghệ thông tin cơ bản theo quy định; ứng dụng công nghệ thông tin trong một số công việc chuyên môn của ngành, nghề;
- + Sử dụng được ngoại ngữ cơ bản, đạt bậc 1/6 trong Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam; ứng dụng được ngoại ngữ vào một số công việc chuyên môn của ngành, nghề.

- Mức độ tự chủ và trách nhiệm:

- + Thực hiện công việc có đạo đức, ý thức về nghề nghiệp, trách nhiệm công dân, thái độ phục vụ; động cơ nghề nghiệp đúng đắn, tôn trọng bản quyền, sở hữu trí tuệ trong ứng dụng phần mềm. Cần cù, chịu khó và sáng tạo, thực hiện tốt kỷ luật lao động và tôn trọng nội quy của cơ quan, doanh nghiệp;
- + Thích nghi được với các môi trường làm việc khác nhau (doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài);
- + Thực hiện trách nhiệm với kết quả công việc của bản thân và nhóm trước lãnh đạo cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp;
- + Đánh giá được chất lượng sản phẩm sau khi hoàn thành kết quả thực hiện của cá nhân và trong nhóm;
- + Sử dụng hiệu quả tối ưu các thiết bị, vật tư. Tiết kiệm nhiên liệu và bảo vệ môi trường.

1.3. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Sau khi tốt nghiệp người học có năng lực đáp ứng các yêu cầu tại các vị trí việc làm của ngành, nghề bao gồm:

- + Cài đặt, cấu hình phần mềm;
- + Lắp ráp, bảo trì máy tính;
- + Sửa chữa máy tính;
- + Sửa chữa màn hình máy tính, máy in;
- + Phân tích và thiết kế hệ thống mạng;
- + Lắp đặt hệ thống mạng.

2. Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học

- Số lượng môn học, mô đun: 25
- Khối lượng kiến thức, kỹ năng toàn khóa học: 2000 giờ
- Khối lượng các môn học chung: 255 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 1745 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 560 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1440 giờ
- Thời gian khóa học: 24 tháng

3. Nội dung chương trình

Mã MH, MD	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ (*)	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Kiểm tra
I	Các môn học chung	11.6	255	95	147	13
MH 01	Giáo dục Chính trị	1.5	30	15	13	2
MH 02	Pháp luật	0.8	15	9	5	1
MH 03	Giáo dục thể chất	1.1	30	4	24	2
MH 04	Giáo dục quốc phòng - An ninh	2.2	45	22	21	2
MH 05	Tin học	2	45	15	28	2

MH 06	Anh văn	4	90	30	56	4
II	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề	70	1745	465	1225	55
II.1	Các môn học, mô đun cơ sở	13.7	270	120	137	13
MH 07	Kỹ năng mềm	2	30	15	13	2
MH 08	An toàn lao động	2	30	15	13	2
MĐ 09	Tin học văn phòng	3.4	75	30	42	3
MĐ 10	Kỹ thuật đo lường	2.1	45	20	23	2
MĐ 11	Kỹ thuật điện tử	2.1	45	20	23	2
MĐ 12	Kỹ thuật xung số	2.1	45	20	23	2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên ngành	56.3	1475	345	1088	42
MĐ 13	Lắp ráp và cài đặt máy tính	4	90	30	56	4
MĐ 14	Xử lý sự cố phần mềm	1.5	30	15	13	2
MĐ 15	Mạng máy tính	5.5	120	45	70	5
MĐ 16	Sửa chữa máy tính	4.7	105	35	65	5
MĐ 17	Sửa chữa bộ nguồn	2.7	60	20	37	3
MĐ 18	Kỹ thuật sửa chữa màn hình	4.5	90	45	41	4
MĐ 19	Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi	4.7	110	30	75	5
MĐ 20	Bảo trì laptop	2.7	60	20	37	3
MĐ 21	Quản trị mạng	4.5	105	30	71	4
MĐ 22	Đồ họa ứng dụng (photoshop+corel)	4.5	90	45	41	4
MĐ 23	Autocad	3.5	75	30	42	3
MĐ 24	Thực tập doanh nghiệp/ đề án môn học	4.5	180	0	180	0
MĐ 25	Thực tập tốt nghiệp	9	360	0	360	0
	TỔNG CỘNG	81.6	2000	560	1372	68

	Tỉ lệ			28.00%	68.60%	3.40%
--	--------------	--	--	---------------	---------------	--------------

(*): Số tín chỉ = (Số giờ LT/15) + (Số giờ TH/30) + (Số giờ TTSX/45)

(Nội dung chi tiết xem Phụ lục kèm theo)

4. Hướng dẫn sử dụng chương trình

4.1. Hướng dẫn xác định nội dung và thời gian đào tạo và các hoạt động ngoại khóa:

4.1.1. Thời gian học tập: 90 tuần trong đó thời gian ôn, kiểm tra kết thúc môn học/mô đun, thời gian ôn thi và thi tốt nghiệp là 210h; Trong đó thi tốt nghiệp là 90h

4.1.2. Thời gian khai, bế giảng, nghỉ lễ, nghỉ hè, dự phòng và cho các hoạt động ngoại khóa: 14 tuần.

Trong đó, thời gian và nội dung cho các hoạt động giáo dục ngoại khóa (được bố trí ngoài thời gian đào tạo) nhằm đạt được mục tiêu giáo dục toàn diện:

- Học tập nội quy, quy chế, giới thiệu chương trình đào tạo và các lĩnh vực liên quan đến nghề nghiệp;
- Tổ chức tham quan, thực nghiệm tại các cơ sở sản xuất;
- Tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ và thể thao;
- Tham gia các hoạt động do đoàn thanh niên, hội sinh viên trường tổ chức;

4.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, mô đun:

Thời gian kiểm tra hết môn học, mô đun cần được xác định và có hướng dẫn cụ thể theo từng môn học, mô đun trong chương trình đào tạo.

4.3. Hướng dẫn thi tốt nghiệp và xét công nhận tốt nghiệp:

- Người học phải học hết chương trình đào tạo và đạt yêu cầu tất cả các môn học, mô đun đào tạo trong chương trình sẽ được dự thi tốt nghiệp;

- Các môn thi tốt nghiệp:
 - + Chính trị
 - + Lý thuyết tổng hợp nghề nghiệp
 - + Thực hành nghề nghiệp

- Thời gian làm bài thi, cách thức tiến hành, điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định hiện hành.

Số TT	Môn thi	Hình thức thi	Thời gian thi
1	Chính trị	Viết	90 phút
2	Kiến thức, kỹ năng nghề		

	nghiệp: - Lý thuyết nghề nghiệp	Trắc nghiệm	Không quá 180 phút
	- Thực hành nghề nghiệp	Thực hành bài tập kỹ năng tổng hợp	Không quá 24 giờ

Hiệu trưởng nhà trường căn cứ vào kết quả thi tốt nghiệp và các qui định liên quan để xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng theo qui định.

HIỆU TRƯỞNG

TRẦN HÙNG PHONG